TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 06-8-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý

2. Ông Trần Quốc Bảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MTV HP; Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Trung P, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; Địa chỉ: Làng M, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 11-01-2019): Ông Nguyễn Minh H; Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoa Văn M và bà Dương Thị N; địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2015, công ty TNHH một thành viên HP (Sau đây gọi tắt là Công ty) có cho bà Dương Thị N và ông Hoa Văn M ứng tiền để bán cà phê nhân rô xô, cụ thể các khoản như sau: Ngày 01-01-2015, ứng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Ngày 02-01-2015, ứng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Ngày 01-9-2015, ứng số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ngày 09-9-2015, ứng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 20-10-2015, ứng số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) chốt giá tương đương 500kg cà phê nhân; Ngày 03-11-2015, ứng số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) chốt giá tương đương 500kg cà phê nhân. Trong các lần ứng tiền

là vào ngày 20-10-2015 và ngày 03-11-2015, các bên đã tiến hành chốt giá cà phê tương ứng với số cà là 1000kg cà phê nhân rô xô. Còn lại các lần ứng khác, các bên thỏa thuận sẽ chốt giá vào thời điểm giao cà phê. Bên cạnh đó các bên còn thỏa thuận thời điểm giao cà phê là vào cuối năm 2015. Đến thời điểm giao cà phê như đã thỏa thuận, Công ty đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông M, bà N không thực hiện nghĩa vụ của mình. Công ty đã tạo điều kiện cho ông, bà trả nợ dần tuy nhiên ông M, bà N không chịu trả đồng thời hiện nay đang thực hiện các hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Công ty. Tại các phiếu chi của Công ty chỉ thể hiện có chữ ký của bà Dương Thị N nên Công ty rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Hoa Văn M và chỉ yêu cầu bà Dương Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy, Công ty TNHH MTV HP yêu bà Dương Thị N phải trả số cà phê đã chốt giá vào ngày 20-10-2015 và ngày 03-11-2015 tổng cộng là 1.000kg cà phê nhân xô rô. Số tiền ứng vào các ngày 01-01-2015, ngày 02-01-2015, ngày 01-9-2015 và ngày 09-9-2015 là 165.000.000 đồng tương ứng với giá cà phê tại thời điểm giao là ngày 31-12-2015 là 165.000.000 đồng : 33.200 đồng/kg = 4.969kg cà phê nhân xô rô. Tổng cộng, buộc bà Dương Thị N phải trả cho Công ty TNHH MTV HP giá trị của 5.969kg cà phê nhân xô rô bằng tiền tương ứng với giá cà phê tại thời điểm xét xử là 5.969kg x 32.600 đồng/kg = 194.589.400 đồng.

2. Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Dương Thị N và Hoa Văn M đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà N và ông M cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà N và ông M.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân; 01 bản sao Sổ hộ khẩu; 06 bản gốc phiếu chi của Công ty TNHH MTV HP; 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 bản tự khai; 01 đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ; 01 đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải; 01 đơn xin xét xử vắng mặt; 01 biên bản xác minh ngày 09-01-2019; 03 số Báo Nhân dân trong 03 ngày liên tiếp về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; 02 công văn cung cấp giá cà phê của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện G; 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải

quyết. Các đương sự giao kết, thực hiện hợp đồng dân sự trong năm 2015 nên luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý và xác định tranh chấp là "Kiện đòi tài sản", tuy nhiên tranh chấp này phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng mua bán cà phê nên Hội đồng xét xử xác định lại cho đúng là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"; Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng trong đơn đã trình bày về việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Hoa Văn M và chỉ yêu cầu bà Dương Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là 06 phiếu chi của Công ty TNHH MTV HP nội dung thể hiện, bà Dương Thị N đã ký ứng tiền và chốt giá với Công ty TNHH MTV HP, cụ thể: Ngày 01-01-2015, ứng số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 02-01-2015, ứng số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 01-9-2015, ứng số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 09-9-2015, ứng số tiền 5.000.000 đồng. Các lần này chưa chốt giá và chỉ thể hiện thỏa thuận thời điểm giao cà phê là vào cuối năm 2015; Ngày 20-10-2015, ứng số tiền 16.000.000 đồng, chốt giá tương đương 500kg cà phê nhân; Ngày 03-11-2015, ứng số tiền 15.500.000 đồng, chốt giá tương đương 500kg cà phê nhân. Các lần này cũng thỏa thuận thời điểm giao cà phê là vào cuối năm 2015.

Căn cứ vào kết quả cung cấp giá cà phê của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện G, giá cà phê vối nhân (cà phê nhân xô rô) tại thời điểm ngày 31-12-2015 là 33.200 đồng/kg, thời điểm xét xử (ngày 06-8-2019) là 32.600 đồng/kg. Như vậy, tổng số tiền đã ứng là 165.000.000 đồng tương đương với số cà phê phải trả tại thời điểm ngày 31-12-2015 là 165.000.000 đồng : 33.200 đồng/kg = 4.969kg cà phê nhân xô rô. Tổng số lượng cà phê phải trả là 1.000kg + 4.969kg = 5.969kg, tương ứng với giá trị tại thời điểm xét xử là 5.969kg x 32.600 đồng/kg = 194.589.400 đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quy định tại Điều 412, 428, 431 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị N phải trả cho Công ty TNHH MTV HP giá trị của 5.969kg cà phê nhân xô rô bằng tiền tương ứng với giá cà phê tại thời điểm xét xử là 5.969kg x 32.600 đồng/kg = 194.589.400 đồng.

[3] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 08-01-2019, Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", biện pháp khẩn cấp tạm thời này sẽ được hủy bỏ khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả tài sản cho nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 139, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 412, Điều 428, Điều 431 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV HP.

Buộc bà Dương Thị N phải trả cho Công ty TNHH MTV HP số tiền là 194.589.400 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Buộc bà Dương Thị N chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.729.470 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng); Công ty TNHH MTV HP không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV HP Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.975.000 đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004986 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu HSVA, THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính